

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22/10/2019

(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa
chị Y và anh T)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Mã Siêu.

2. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:

Bà Đoàn Thị Sớm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Y, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn VX, xã ĐP, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiện nay: Số xyz/xy BQ, phường xy, Quận B, Thành phố H.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn VX, xã ĐP, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

(anh T và chị Y đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Y trình bày:

Chị và anh Đặng Văn T, sinh năm 1992, có hộ khẩu thường trú tại thôn VX, xã ĐP, huyện T1, tỉnh Thái Bình tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 29/01/2015 được Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện T1, tỉnh Thái Bình chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chuyển về chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng khác

biệt về quan điểm sống, vợ chồng không thể hòa hợp về nhiều mặt. Tháng 7/2017, chị Y có về nhà ngoại tại tỉnh N 01 tháng để giúp gia đình anh chị, trước đó nhà ngoại chị Y có gọi điện cho nhà anh T để xin phép cho chị đi. Sau đó chị vào thành phố H để làm việc; trong khoảng thời gian đó thì anh T cũng vào thành phố H để làm việc, anh T có nhắn tin và liên lạc với chị nhưng vợ chồng cũng không thể quay lại. Anh chị sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Nay xác định tình cảm không còn, không thể quay về chung sống và đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con chung, chị Y xác định chị và anh Đặng Văn T có 01 con chung là Đặng Quốc T2, sinh ngày 29/7/2015. Trước Tết nguyên đán 2018, chị cho con về nhà ngoại; đến khi qua tết thì chị có bé con đi vào thành phố H. Trước đó thì chị có xin phép mang con theo nhưng gia đình nhà nội không đồng ý. Đến ngày 14/6/2019 thì chị giao con cho anh T đưa về quê nội chơi, chị đã yêu cầu anh T đưa con vào thành phố H để con đi học nhưng anh T không đồng ý. Hiện nay cháu đang ở cùng bố tại gia đình nhà nội. Khi ly hôn, chị Y đề nghị Tòa án giao chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Quốc T2 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Theo chị Y, khi chị về thăm cháu thì cháu nhìn còi cọc; chị bị gia đình nhà nội giấu không cho gặp con. Môi trường chăm sóc cháu ở quê không khoa học. Khi được nuôi cháu thì chị sẽ đảm bảo cuộc sống cho cháu. Trước khi cùng với bố về nhà nội cháu vẫn đang học trong trường mầm non ở SG. Chị có công việc ổn định để đảm bảo việc nuôi con.

Về tài sản chung, chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23/8/2019, bị đơn là anh Đặng Văn T trình bày:

Về quá trình chung sống hôn nhân như chị Y trình bày là đúng. Về mâu thuẫn thì do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không cùng quan điểm sống. Khoảng tháng 7 năm 2017 thì chị Y về nhà anh chị ở N. Đến tháng 9 thì chị Y trở về nhà. Sau đó đến Tết âm lịch, đầu năm 2018 thì chị Y lại tự ý bỏ đi. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, anh T đồng ý. Thời gian chị Y ở thành phố H đó thì anh có vào thành phố H để làm việc với mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Trong khoảng thời gian đó thì anh có thăm con nhưng chỉ được một lúc. Về việc anh T có cung cấp cho Tòa án Bảng lương nhân viên, giấy xác nhận làm việc, hợp đồng lao động làm việc tại Chi nhánh Công ty dịch vụ bảo vệ HB là do anh mong muốn được nuôi con nhưng thực chất thời gian đó anh sinh sống và làm việc tại thành phố H, chị Y cũng biết việc này.

Về con chung: Anh và chị Y có 01 con chung là Đặng Quốc T2, sinh ngày 29/7/2015, hiện nay con chung đang ở với anh. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Theo anh T, hiện nay anh đang làm công việc cơ khí ở quê, anh có đủ điều kiện nuôi con. Chị Y ở trong miền nam một mình thì điều kiện chăm sóc không đảm bảo.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Ngày 10/10/2019, anh T giao nộp cho Tòa án bản xác nhận của Trường Mầm non xã ĐP về quá trình học tập của cháu Đặng Quốc T2 tại trường.

Tại biên bản xác minh ngày 01/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, ông Trần Văn T3 là cán bộ tư pháp, bà Vũ Thị T4 là Chủ tịch Hội phụ nữ và ông Đặng Văn N1 là Chủ tịch UBND xã trình bày:

Anh Đặng Văn T và chị Trần Thị Y đều có hộ khẩu thường trú tại thôn VX, xã ĐP, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Anh T và chị Y có đăng ký kết hôn ngày 29/01/2015 tại UBND xã ĐP. Vợ chồng anh T và chị Y có 01 con chung là Đặng Quốc T2, sinh ngày 29/7/2015. Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng anh T và chị Y đại diện chính quyền địa phương không nắm được.

Hiện nay cháu Đặng Quốc T2 đang ở cùng gia đình anh Đặng Văn T tại thôn VX, xã ĐP. Cháu T2 đang học tại Trường Mầm non xã ĐP, huyện T1. Bà nội của cháu là Vũ Thị X là giáo viên Trường Mầm non xã ĐP, huyện T1. Việc sinh hoạt và học tập của cháu Đặng Quốc T2 vẫn đảm bảo.

Quan điểm của địa phương về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh T làm cơ khí tại địa phương, anh T ở cùng gia đình bố mẹ tại xã ĐP, huyện T1. Công việc của anh T ổn định, để đảm bảo việc sinh hoạt và học tập cho cháu T2 thì đề nghị Tòa án giao cho anh T được tiếp tục chăm sóc cháu. Về tài sản, chính quyền địa phương không nắm được cụ thể.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Y trình bày:

Chị mới mở thêm quán bún đậu mắm tôm để có thêm thu nhập. Chị có ý kiến nếu được nuôi con, chị sẽ nghỉ việc tại Công ty Cổ phần MK để có điều kiện chăm sóc con.

Tại phiên tòa, anh Đặng Văn T giao nộp cho Tòa án bản ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị Y và chú ruột của anh T là ông Đặng Văn T5; cuộc nói chuyện giữa mẹ đẻ anh T là bà Vũ Thị X và chị Trần Thị B là gái chị Y.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Trần Thị Y được ly hôn anh Đặng Văn T. Về con chung, giao con chung Đặng Quốc T2, sinh ngày 29/7/2015 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị Trần Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T; chị Y có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu. Về tài sản chung, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đặng Văn T có địa chỉ tại thôn VX, xã ĐP, huyện T1, do vậy Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết vụ kiện về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Y và anh Đặng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Y cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi kết hôn, anh chị chuyển về chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng không thể hòa hợp về nhiều mặt. Anh chị sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Chị Y đưa con chung vào thành phố H sinh sống và làm việc. Anh T cũng vào thành phố H để làm việc với mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, anh T đồng ý. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị Y đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Y và anh Đặng Văn T là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

[3.1] Chị Y và anh T có 01 con chung là Đặng Quốc T2, sinh ngày 29/7/2015. Chị Y có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng; anh T cũng có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng.

[3.2] Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị Y thì thấy chị Y làm nhiều công việc (theo chị Y cung cấp) chị vừa làm Trưởng phòng marketing cho Công ty Cổ phần MK, vừa làm chủ 01 quán tóc, 01 quán bún đậu mắm tôm, ngoài ra chị còn tham gia thiện nguyện nên công việc rất bận rộn, có thể sống xa nhà, hiện nay chị chưa có nhà riêng hay chỗ ở ổn định cho gia đình tại thành phố H, nếu vắng nhà chị phải gửi con cho bà sơ, có khi một vài tuần chị mới đến thăm con một lần. Chị Y cung cấp cho Tòa án chị là Trưởng phòng marketing cho Công ty Cổ phần MK tuy nhiên chị không chứng minh được (tại Tòa chị cho rằng khi ký kết hợp đồng chị đều ký vào tất cả các văn bản nhưng hợp đồng chị cung cấp cho Tòa án là bản hợp đồng phô tô nhưng chữ ký của chị là chữ ký sống) nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định chị Y có làm việc tại Công ty Cổ phần MK hay không. Chị Y cũng thừa nhận chị mắc bệnh ung thư cổ tử cung từ tháng 3/2019 khi phát hiện bệnh của chị đã nặng. Tuy nhiên chị đã điều trị bằng bấm huyệt và thuốc đông y và đã khỏi bệnh. Mặc dù vậy, chị cũng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh chị đã khỏi bệnh. Các đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị Y và chú ruột của anh T là ông Đặng Văn T5; cuộc nói chuyện giữa mẹ anh T và chị Trần Thị B là gái chị Y có nội dung thể hiện chị Y khó có điều kiện để nuôi con (chị Y thừa nhận nội dung các cuộc nói chuyện trên là đúng). Hiện nay, chị Y đang sinh sống và

làm việc ngay tại quán tóc có địa chỉ tại số xyz/xy BQ, phường xy, Quận B, Thành phố H, diện tích nhỏ hẹp. Như vậy không đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

[3.3] Anh T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, hiện nay anh đang sinh sống và làm việc cùng gia đình tại thôn VX, xã ĐP, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Anh T có công việc ổn định là thợ cơ khí tại nhà và làm thêm công trình khi có yêu cầu, thu nhập hàng tháng khoảng 10 triệu đồng (anh T làm cho cơ sở cơ khí tổng hợp của ông Nguyễn Đức H tại xã ĐP và nhận việc làm tại nhà). Trường mầm non hiện nay con Đặng Quốc T2 đang theo học ngay gần nhà, anh T có điều kiện chăm sóc đưa đón con đi học, ngoài ra còn có gia đình hỗ trợ, mẹ đẻ anh T là giáo viên mầm non nên có điều kiện chăm sóc, giáo dục cháu.

[3.4] Tại biên bản làm việc với Ủy ban nhân dân xã ĐP, ông Trần Văn T2 là cán bộ tư pháp, bà Vũ Thị T3 là Chủ tịch Hội phụ nữ và ông Đặng Văn N1 là Chủ tịch UBND xã ĐP có ý kiến đề nghị Tòa án giao cho anh T được tiếp tục chăm sóc cháu.

[3.5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình đề nghị giao con chung Đặng Quốc T2, sinh ngày 29/7/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chị Trần Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.6] Hội đồng xét xử xét thấy anh T có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung tốt hơn chị Y, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt và điều kiện tốt nhất cho con cần giao con chung Đặng Quốc T2, sinh ngày 29/7/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chị Trần Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T, chị Y có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu là phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội **về án phí và lệ phí tòa án:**

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Y và anh Đặng Văn T.

2. Về con chung:

Giao con chung Đặng Quốc T2, sinh ngày 29/7/2015 cho anh Đặng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Trần Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T. Chị Y có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề

thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung:

Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Y phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo Biên lai số 0009192 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình. Chị Trần Thị Y đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/10/2019./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã Đông Phong, huyện T1;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đông Ngọc Huyền

